

# DI SẢN VĂN HÓA BIỂN ĐẢO VIỆT NAM: VÀI Ý KIẾN VỀ CÔNG TÁC BẢO VỆ, PHÁT HUY GIÁ TRỊ

 **PHẠM QUỐC QUÂN\***

Việt Nam nằm trên bán đảo, một mặt liền kề biển Đông, có đường bờ biển dài 3.260 km với nhiều đảo và quần đảo lớn nhỏ chạy dọc theo đất nước, tạo cho mảnh đất hình chữ S này ngay từ thời xa xưa đã là ngã tư lớn của những nền văn minh. Ở đây, người ta nhận ra sự hình thành và phát triển các nền văn hóa, sự hội nhập và tiếp biến, sự giao thoa, hội tụ và lan tỏa ra thế giới và từ thế giới đến đây qua đường biển, mà không ít người coi đó đơn giản chỉ là sự đồng quy văn hóa. Từ Đông Á đến Đông Nam Á, từ Trung Đông đến Ấn Độ, rồi cả phương Tây thời cận thế, dậm dài lịch sử văn hóa biển đảo Việt Nam đã chứng minh được sự giao thoa ấy, do đó, việc nghiên cứu những giá trị văn hóa biển đảo Việt Nam là vô cùng cần thiết, để bóc tách những tầng sâu của giá trị văn hóa, để có được nhận thức và đánh giá sâu sắc hơn thiết tưởng sẽ là công việc còn tốn nhiều công sức và thời gian. Bài viết mong muốn cung cấp những thông tin tiềm năng về văn hóa biển và đảo Việt Nam, theo đó nêu một ý kiến góp bàn về công tác bảo vệ và phát huy những giá trị của chúng.

## 1. Một số di sản văn hóa vùng ven biển - biển và đảo Việt Nam

1.1. Nói tới văn hóa biển và đảo Việt Nam, không thể không nói đến những văn hóa vật thể và phi vật thể của vùng ven biển Việt Nam. Ngay từ thời đại đá mới, những nền văn hóa cổ sò ven biển Việt Nam đã



xuất hiện, có nhiều nét riêng và chung với khu vực Đông Á và Đông Nam Á. Văn hóa Bàu Dũ, văn hóa Đa Bút, văn hóa Thạch Lâm - Thạch Lạc... đã cung cấp nhiều tư liệu có giá trị về phương thức sinh hoạt, đời sống kinh tế, văn hóa, tâm linh của người tiền sử qua bộ công cụ và cảnh quan nơi cư trú của họ. Đến thời đại đồ đồng, hàng loạt những nền văn hóa và những địa điểm thuộc những nền văn hóa lớn như Đông Sơn, Sa Huỳnh, Óc Eo được phát hiện, nghiên cứu suốt từ miền Bắc đến miền Nam, đó là Đẩu Rằm (Quảng Ninh), Hoa Lộc (Thanh Hóa), Bãi Cọi (Hà Tĩnh), Bình Châu, Long Thành (Quảng Ngãi), Cồn Giò (Thành phố Hồ Chí Minh)... Dù chỉ được coi là những đơn cử vô cùng khiêm tốn so với những gì đã biết từ khảo cổ học cung cấp, nhưng những phát hiện ấy cũng giúp nhận ra được những giá trị to lớn, làm rõ hơn phổ hệ văn hóa của Đông Sơn vùng châu thổ và vùng đồng bằng Bắc Bộ và Sa Huỳnh, dải đất nhỏ hẹp miền Trung. Những phát hiện này cũng cung cấp cho giới nghiên cứu để luận về sự khác biệt mang tính địa phương

\* TS., Hội đồng Di sản Văn hóa Quốc gia.

của Sa Huỳnh - như Giồng Cá Vồ hay đó là một văn hóa khác Sa Huỳnh, có mối quan hệ với Sa Huỳnh, mà Giồng Cá Vồ là đại diện. Rồi Hoa Lộc phải chăng là một văn hóa riêng biệt, khi mà người nghiên cứu chưa tìm được những di chỉ tương đồng về tính chất với một bộ đồ gốm vô cùng hấp dẫn và lạ lẫm. Rồi Bãi Cọi có cả yếu tố Đông Sơn và Sa Huỳnh khiến giới học thuật nghiêng nhiều về sự mở rộng của không gian văn hóa Sa Huỳnh ra phía Bắc hay đó là văn hóa của sự pha trộn giữa Đông Sơn và Sa Huỳnh?

Những địa điểm và văn hóa được đơn cử trên đây, đều đậm chất biển khơi, chứa đựng nhiều yếu tố của văn hóa biển đảo, nhưng cũng có nhiều thành tố của đồng bằng châu thổ, dù là nhỏ hẹp như miền Trung, khiến cho những nhà nghiên cứu Hoa Kỳ thông qua những bộ sưu tập Đông Sơn, Sa Huỳnh, Óc Eo... đã nhận ra xu hướng tiến ra biển của dân tộc này có từ khá sớm, qua một cuộc trưng bày có tựa đề "Từ đồng bằng ra biển lớn" (From the Delta to Great Sea) diễn ra vài năm trước ở nhiều thành phố trên đất Hoa Kỳ.

Di sản ven biển còn cả một hệ thống cảng và tiểu cảng, chỉ ít có từ thời Đông Sơn - Sa Huỳnh - Óc Eo cho đến tận thế kỷ XVIII - XIX. Những Lạch Trường, Bãi Cọi, Hòa Diệm, Gò Quê... cho đến Vân Đồn, Hội Thống, Thanh Hà, Hội An, Nước Mặn... mới chỉ được nghiên cứu rất sơ sài, chưa có hệ thống, ngoài Vân Đồn và Hội An, song vẫn chưa thẩm thấu gì với sử liệu của lòng đất chứa đựng. Nghiên cứu hệ thống cảng biển trong diễn trình lịch sử dân tộc, theo đó, xác định được đúng vai trò vị trí của chúng trên con đường hàng hải quốc tế, thiết nghĩ cũng là sự khẳng định vị trí của đường cong chữ S ven biển Việt Nam trên hải đồ, mà theo nhận thức của riêng tôi, những cảng và tiểu cảng ấy vô cùng quan trọng trong hoạt động thương mại. Đó không chỉ là chuyện hàng hóa xuất nhập khẩu, mà còn là nơi lưu trú lấy nước ngọt, mua lương thực, né tránh bão, cướp biển... của những hải thuyền quốc tế qua biển Đông. Gần đây, Viện Khảo cổ học có đưa đề tài này thành đề tài cấp Bộ, nhưng mới chỉ giới hạn ở miền Trung Việt Nam, còn Bắc miền Trung, Nam miền Trung, miền Bắc, miền Nam vẫn chỉ dừng lại ở thông tin báo dẫn, thiết tưởng còn quá trống rỗng ở mảng đề tài này.

Di sản ven biển, đảo và quần đảo Việt Nam còn có những đình, chùa, miếu mạo mà ở đó, ngay từ thời Lý - Trần, cha ông ta đã xây dựng hàng loạt chùa tháp để khẳng định chủ quyền, lấy Phật giáo, vốn được coi là Quốc giáo của thời đại ấy để thực hiện một phần



chiến lược quốc phòng nhân dân, cùng với quân đội trấn giữ vùng biên ải, trong đó có biển đảo. Hệ thống chùa tháp ở quần đảo Vân Đồn là ví dụ điển hình. Những làng chài biển và đảo, với những tín ngưỡng và lễ hội liên quan tới biển, những thần tích, thần phủ, gia phủ, cùng những tài liệu có liên quan tới địa danh học lịch sử, địa lý học lịch sử, văn hóa dân gian, trí thức bản địa... chưa được biết đến nhiều. Mấy năm gần đây, được sự quan tâm của nhà nước, nhiều lễ hội đã được phục hồi, nhiều di tích đã được tu bổ, tôn tạo, song vẫn chưa thẩm thấu gì so với kho tàng di sản ấy. Đặc biệt, công tác nghiên cứu chưa thực sự được quan tâm nhiều. Việc điều tra, đánh giá những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, theo đó hệ thống tư liệu hóa, cần được sớm thực hiện, để những giá trị ấy phục vụ cho cuộc sống đương đại, đáp ứng được những mục tiêu chính trị, xã hội của Đảng và nhà nước để ra.

1.2. Văn hóa đảo là một phần giá trị không thể thiếu, để tạo nên sự đa sắc màu của văn hóa Việt Nam hôm nay

Thời đại đá mới, những văn hóa Cái Bèo (Cát Bà - Hải Phòng), Hạ Long (tập trung chủ yếu ở vùng đảo Quảng Ninh, Hải Phòng) đã sớm được phát hiện và nghiên cứu, có rất nhiều đặc trưng riêng biệt của văn hóa biển, nhưng cũng có mối quan hệ khăng khít với những văn hóa đồng đại ở đất liền qua đặc trưng đồ gốm và bộ công cụ sản xuất. Sự giao lưu và ảnh hưởng từ những nền văn hóa này đến khu vực Đông Bắc Á và ngược lại có thể nhận ra rõ ràng, khiến cho công tác nghiên cứu cần được đào sâu và mở rộng, để có được một cái nhìn đa chiều hơn dựa trên những phân tích định lượng thuyết phục chứ không thể bằng những cảm nhận trực quan. Từ Cái Bèo, Hạ Long, giới khảo cổ học đã nhận ra những thành tố

tham gia vào quá trình hội nhập vào phổ hệ văn hóa thời đại đồ đồng của đồng bằng châu thổ sông Hồng, để tiến tới văn minh với sự thành lập nhà nước đầu tiên: đó là quá trình hội tụ và phát triển đa tuyến đã sớm được bộc lộ.

Thời đại đồ đồng, với văn hóa Xóm Cồn (Khánh Hòa), một số di tích ở ngoài đảo vịnh Nha Trang đã tạo nên nền văn hóa này như là bước khởi đầu sớm trong các giai đoạn tiến tới Sa Huỳnh - thời đại đồng và sắt sớm ở miền Trung Việt Nam. Xóm Cồn được coi là một trong những địa điểm hiếm hoi ở khu vực này, để nhận ra sự phát triển nội tại, bản địa của văn hóa Sa Huỳnh mà nhiều thập niên đầu của thế kỷ trước, giới khảo cổ học phương Tây vẫn coi Sa Huỳnh là một nền văn hóa thiếu căn cứ.

Phát hiện khảo cổ học ở Long Sơn (Bà Rịa - Vũng Tàu), lại cho thấy mối quan hệ với Giồng Cá Vồ và hé lộ một tuyến phát triển tại Giồng Cá Vồ - Long Sơn đến Ốc Eo, chứ không phải là dạng địa phương của văn hóa Sa Huỳnh.

Trong thời kỳ phong kiến tự chủ, trên những hòn đảo và quần đảo của chúng ta còn có những hệ thống phòng thủ khác kiên cố và được bố trí khoa học và tài tình, song, những công trình nghiên cứu, những con số thống kê về chúng chưa được bao nhiêu. Những Xích Thổ, Ngọc Vũng chỉ như là những ví dụ, đã được thực hiện từ những năm 70 của thế kỷ trước, nhưng giờ đây vẫn chưa tiến triển được bao nhiêu.

Hàng loạt những phát hiện văn hóa Sa Huỳnh ở đảo Lý Sơn, Hòn Cau, Côn Đảo... trong nhiều thập niên trở lại đây đã cho chúng ta nhận thức về nền văn hóa này toàn diện hơn, với sự giống và khác so với đất liền, nên đã có người khái quát thành thuật ngữ "Sa Huỳnh đảo".



Các dẫn dụ trên đây về những phát hiện, nghiên cứu các di sản văn hóa đảo trong thời đại đá mới và thời đại đồ đồng hẳn còn vô cùng khiêm tốn so với thực tế, nhưng dường như mọi nỗ lực vẫn chưa đáp ứng được với yêu cầu. Những đảo lớn như Cô Tô, Phú Quốc - với những báo dẫn chắc chắn về sự có mặt của con người cư trú ở đây trong thời kỳ Tiền - Sơ sử, rồi những đảo nhỏ trong những quần đảo của Vân Đồn, Trường Sa, Hoàng Sa... cũng chưa có những đợt điều tra khảo sát lớn, theo đó, diện mạo văn hóa của hai thời đại này nói riêng và lịch sử nói chung vẫn chưa hiện hình rõ nét. Tư liệu, qua đó là nhận thức về những nền văn hóa đảo của chúng ta còn lờ mờ thì những định hướng mang tầm vĩ mô của Đảng và Nhà nước chưa có được sự chuẩn xác.

1.3. Di sản văn hóa biển đang chứa đựng trong lòng biển sâu Việt Nam cũng là một vấn đề cần được quan tâm. Ngay từ thời phong kiến, các cụ xưa đã báo dẫn rằng, Ô Cáp (Vũng Tàu ngày nay) sống nhờ vào việc tìm kiếm những của cải bị đắm theo những con tàu. Hơn hai mươi năm qua, chúng ta đã khai quật "chứa chày" được 6 con tàu cổ. Đó là những con tàu buôn đi ngang qua biển Việt Nam hoặc từ Việt Nam ra khơi, mà vì lý do dòng chảy, gió bão, hỏa hoạn đã bị chìm. Tuy nhiên, đó là những con số vô cùng nhỏ nhoi so với những thông tin chúng ta biết được từ thực địa, từ tài liệu và từ hồi cố của các ngư phủ. Sau Hòn Cau, tọa độ X, biển Bà Rịa - Vũng Tàu còn phát hiện được hai con tàu nữa. Thôn Châu Thuận Biển (Bình Sơn, Quảng Ngãi) còn rất nhiều xác tàu mà thông qua đồ gốm sứ, chúng tôi có thể nhận ra chúng có nhiều niên đại khác nhau. Người Bồ Đào Nha cũng mong muốn tìm lại những con tàu lịch sử của mình, thông qua một tư liệu, trước khi tàu chìm, còn hình ảnh một số cổ đạo giơ cao một cuộn bản thảo như không muốn nó phải chìm theo. Người Hà Lan cũng muốn tìm những tài sản của mình với VOC (Công ty Đông Ấn Hà Lan), mà sau tàu cổ Cà Mau được khai quật, ông đại sứ nước này đã vào tận nơi nghiên cứu, nhận ra không phải là hàng hóa của Công ty Đông Ấn.

Như vậy, biển Việt Nam nằm trên con đường giao thương quốc tế quan trọng nên mọi phát hiện ở vùng biển này chỉ chứng minh được vai trò, vị trí, giá trị của biển Đông của Việt Nam đối với thương thuyền trên con đường tơ lụa, gốm sứ Đông - Tây, chứ không thể như một ai đó nghĩ rằng, đó như là những chứng cứ của chủ quyền.

Di sản văn hóa biển Việt Nam còn lưu giữ những chứng tích của nhiều trận thủy chiến lớn trong lịch sử, mà Bạch Đằng thời của Ngô Quyền, Trần Quốc Tuấn chỉ là một điển hình. Tuy nhiên, ngay cả những trận đánh ấy, tư liệu nghiên cứu thực địa của chúng ta còn quá ít ỏi, để giờ đây, đã có nhiều chương trình hợp tác quốc tế của Viện Khảo cổ học trở lại địa bàn này. Hy vọng sẽ có được nhiều kết quả và nhận thức mỹ mãn hơn. Ngoài trận đánh, còn có những phiên chế quân đội bảo vệ biển, mà phát hiện quan trọng về chiếc ấn “Phụng mệnh bình hải tướng quân chi ấn” thời Lê Thánh Tông (1490) tại biển Vân Đồn, có thể khẳng định về một vệ binh hải có từ thời đại ấy. Đội quân của Trần Khánh Dư buôn than, vua Trần Nhân Tông lên Yên Tử tu hành, Trần Hưng Đạo lập thái ấp ở Vạn Kiếp - cửa Lục Đầu rồi ấn Bình Hải, sách truyền về biển Đông của trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm... đều là chiến lược bảo vệ biển đảo của cha ông và gợi ý về một hướng nghiên cứu di sản quân đội và chiến tranh giữ nước ở vùng biển Đông cần được đầu tư nhiều hơn nữa.

### 2. Vai ý kiến về công tác bảo vệ, phát huy giá trị

2.1. Muốn bảo vệ và phát huy giá trị những di sản văn hóa biển đảo Việt Nam trước hết cần phải nghiên cứu đánh giá toàn diện những giá trị của những di sản ấy. Tuy nhiên, như đã nói rải rác ở phần trên, công tác nghiên cứu, đánh giá của chúng ta còn nhiều hạn chế. Sự toàn diện, hệ thống và kết nối chưa được quan tâm, theo đó, có những mảng, những giai đoạn chưa được chú trọng, có nhiều lĩnh vực còn bỏ trống. Kết quả nghiên cứu có được cho đến ngày hôm nay cũng chưa được xử lý theo những nguyên tắc nêu trên. Mỗi cơ quan, mỗi nhóm, mỗi cá nhân nghiên cứu, sở hữu một khối tư liệu và công bố lẻ tẻ, rời rạc, khiến cho nhận thức của chúng ta không đầy đủ. Đó chính là điều hạn chế cho công tác bảo vệ và phát huy.

2.2. Mặc dù vậy, những kết quả nghiên cứu về di sản biển đảo Việt Nam, với những gì đã nêu, chỉ như là những mảng điểm xuyên trên bức tranh toàn cảnh. Thực tế, tư liệu còn phong phú hơn nhiều. Nếu được hệ thống, sẽ cho ra được nhiều công trình có giá trị. Tuy nhiên, những công trình ấy không chỉ đơn giản là một tập đại thành, mà cần đi sâu vào từng chủ đề, từng giai đoạn lịch sử, từng vùng miền, từng lĩnh vực..., sau đó, tổng kết, để giúp cho các nhà quản lý có được chính sách và chiến lược phù hợp hơn trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, chứ không chỉ là việc bảo vệ và phát huy những giá trị di sản. Tôi



cho rằng, tiếp cận vùng miền, theo lát cắt lịch sử và tổng kết, như Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội tổ chức liên kết giữa các viện có cùng chức năng nhiệm vụ nghiên cứu, như mấy năm nay đã làm ở Tây Nguyên, miền Trung và Nam Bộ... là có hiệu quả.

2.3. Tài liệu, hiện vật, sưu tập hiện vật về biển đảo Việt Nam, dẫu còn nhiều giai đoạn, nhiều lĩnh vực còn khuyết trống, nhưng với những gì có được từ thành quả nghiên cứu và sưu tầm của giới nghiên cứu và bảo tàng, rất nên có một bảo tàng về di sản biển đảo. Tôi được biết, Bảo tàng Văn hóa các Dân tộc Việt Nam có một dự án trưng bày liên quan tới sông nước, tỉnh Quảng Ngãi đã có một dự án bảo tàng ở Lý Sơn về Trường Sa - Hoàng Sa và Công ty Đoàn Ánh Dương cũng có một dự án bảo tàng về tàu và biển xây dựng ở đảo Phú Quốc. Tất cả hoặc mới chỉ ở một lĩnh vực còn vô cùng nhỏ bé so với di sản biển đảo vô cùng phong phú của Việt Nam hoặc vẫn còn trên ý tưởng. Do đó một bảo tàng toàn diện và bao quát hơn, với sự đầu tư của nhà nước, được xây dựng ở Vũng Tàu, thiết nghĩ là hợp lý nhất, để phát huy di sản biển đảo Việt Nam, theo đó, sẽ có một định hướng và tầm nhìn chuyên sâu và xa hơn trong công tác nghiên cứu và trưng bày về lĩnh vực này.

2.4. Lễ hội vùng ven biển và đảo Việt Nam, có rất nhiều sự tương đồng về nội dung, nghi thức và tính chất, nên chẳng, đưa một số lễ hội có tầm ảnh hưởng rộng hơn, với ý nghĩa là của cộng đồng dân tộc, chứ không chỉ là cộng đồng làng, cộng đồng vùng hoặc cộng đồng khu vực. Lý Sơn, mấy năm nay đã nâng tầm lễ hội và hội nhưng vẫn chưa thực sự như mong muốn, kỳ vọng. Muốn làm được điều này, công tác nghiên cứu, đánh giá, phục hồi và bổ sung cần được tiến hành, theo đó, sẽ phát huy được tầm ảnh hưởng

về chính trị - xã hội - kinh tế - văn hóa của những lễ hội đó với cộng đồng trong nước và quốc tế.

2.5. Công tác bảo vệ tôn tạo và phục hồi di sản nói chung và di sản biển đảo nói riêng, gần chục năm trở lại đây đã có nhiều thành tựu đáng khích lệ. Tuy nhiên, với một khối lượng di sản khổng lồ như thế, kinh phí nhà nước không sao đảm trách hết. Việc xã hội hóa công tác này ở nhiều địa phương là rất đáng kể trong nhiều năm qua, cần được áp dụng và nhân rộng trong trường hợp này.

Tuy nhiên, công tác bảo vệ chúng hiện nay vẫn còn nhiều sự lãng quên và buông lỏng. Những di chỉ ở Cái Bèo (Cát Bà - Hải Phòng) liệu còn lại bao nhiêu diện tích trong khi tốc độ đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ như hiện nay. Chùa Lấm (Vân Đồn - Quảng Ninh) đã được nghiên cứu, khai quật, cung cấp bình đồ kiến trúc khác lạ, đặc trưng thời Lý, không biết công tác bảo vệ ra sao và liệu Quảng Ninh có dự án tu bổ, tôn tạo? Những di chỉ khảo cổ học ở Trường Sa đã được các đồng nghiệp Viện Khảo cổ học phát hiện vào thập niên 90 của thế kỷ trước, gần đây khi trở lại, các di chỉ này đã bị bê tông hóa. Không chỉ có Trường Sa, ở Phú Quốc, với tốc độ phát triển như hiện nay, nhiều công trình xây dựng đã mọc lên nhưng khảo cổ học chưa hề với tay tới. Ngay tại Thủ Thiêm (Thành phố Hồ Chí Minh), dư luận nhân dân và các nhà khoa học lên tiếng còn bị bỏ qua, hướng hồ như Phú Quốc quá xa với đất liền và các trung tâm nghiên cứu. Ngành di sản cần chủ động đề xuất trước những dự án xây dựng lớn ở Phú Quốc, Côn Tô... cho công tác điều tra, nghiên cứu, khai quật. Di sản dưới lòng đất, với những giá trị của chúng, đặc biệt với Phú Quốc, sẽ trở thành trung tâm tài chính, du lịch quan trọng biết nhường nào, nhưng không mấy doanh nhân và những nhà đầu tư lưu tâm trước và trong quá trình xây dựng.

### 3. Kết luận và kiến nghị

Bài viết chỉ điểm qua tài sản văn hóa vùng bờ biển, biển và đảo của Việt Nam nên còn không ít những phát hiện, nghiên cứu quan trọng chưa được đề cập, nhiều kiến giải khoa học có giá trị chưa được nhắc tới, thiết nghĩ sẽ nhận được sự cảm thông của người đọc, vì bài viết không hướng tới sự chuyên sâu ở mỗi lĩnh vực muốn bàn mà mong muốn lưu ý đến công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản - như là một tâm huyết nghề nghiệp. Tựu trung có hai vấn đề chúng tôi muốn khẳng định:

+ Di sản văn hóa biển đảo Việt Nam là vô cùng

phong phú với nhiều loại hình, tính chất và giai đoạn lịch sử khác nhau. Tuy nhiên, công tác nghiên cứu về nó chưa được thường xuyên, liên tục và hệ thống. Sở dĩ có tình hình ấy là vì chưa có một cơ quan đứng ra cầm trịch, điều hành với những định hướng lâu dài và trước mắt, ở từng giai đoạn cụ thể.

+ Với sự phong phú di sản biển đảo như thế, công tác bảo tồn, phát huy giá trị của chúng cần một chiến lược, với tầm nhìn dài và rộng hơn. Tuy nhiên, trong mỗi trường hợp cụ thể, cần có những phản ứng mang tính tình huống để kịp thời bảo vệ và giữ gìn những di sản quý giá ấy, phục vụ cho chiến lược lâu dài.

*Với tinh thần ấy, tôi xin có một vài kiến nghị sau đây:*

+ Việt Nam cần có một cơ quan nghiên cứu chuyên sâu về di sản biển, bên cạnh một bảo tàng hoặc bảo tàng ngành bên trong cơ quan ấy để thực hiện công tác nghiên cứu mang tính tập trung và chuyên nghiệp. Cơ quan này cũng cần một trung tâm khảo cổ học dưới nước, thay vì một phòng khảo cổ học dưới nước, thuộc Viện Khảo cổ học như hiện nay, được đầu tư con người và thiết bị vô cùng hạn chế và chậm chạp. Đây là mô hình mà người Hàn Quốc làm và nhiều năm nay đã có hợp tác với Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, với nhiều chương trình nghiên cứu có hiệu quả. Viện Di sản biển Hàn Quốc trực thuộc Cục Di sản Văn hóa, một cơ quan tương đương cấp Bộ.

+ Để làm tiền đề cho mô hình này, các tư liệu, tài liệu, hiện vật... cần được tập hợp dưới các hình thức tư liệu hóa và liên kết hợp tác với các cơ quan có cùng mục tiêu, chức năng, nghiên cứu về di sản biển, công bố những vấn đề mang tính chuyên sâu trên từng lĩnh vực, từng giai đoạn lịch sử, rồi tổng kết đánh giá để đưa ra được những định hướng tiếp theo. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, trường Đại học Quốc gia... là những cơ quan thích hợp để thực hiện được công tác này.

+ Cũng là một bước chuẩn bị, các chương trình nghiên cứu cụ thể về di sản biển đảo cũng cần được hoạch định, với sự phân công cụ thể cho từng cơ quan chức năng có mục tiêu và chức năng nghiên cứu trên từng lĩnh vực, thực hiện từng chương trình, dự án. Một trong ba cơ quan Bộ và ngang Bộ nêu trên cần tập trung các chuyên gia, xây dựng chương trình, kế hoạch, đề tài, dự án trước khi có sự phân công. Đây là một chương trình lớn, dài hơi, cần sự đầu tư kinh phí của Chính phủ.

**P.Q.Q.**